

Số: 67/2024/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí, hình thức đánh giá, xếp loại
công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp
công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn
bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung
một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4430/TTr-SNV ngày
15 tháng 10 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, hình thức
đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp
công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành kèm quy định tiêu chí đánh giá công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban đảng Tỉnh ủy;
- UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (56b), (MP).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



QUY ĐỊNH

Tiêu chí, hình thức đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, thang điểm và phương pháp đánh giá công tác dân vận của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương).

2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các phòng ban chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Mục đích đánh giá, phân loại công tác dân vận chính quyền

Việc đánh giá, phân loại hàng năm về công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp, đơn vị sự nghiệp nhằm xem xét toàn diện các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh tại địa bàn theo quy định. Trên cơ sở đánh giá nhằm phát huy các nhân tố tích cực trong công tác dân vận chính quyền, góp phần tạo động lực thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các cơ quan nhà nước.

Kết quả đánh giá, xếp loại công tác dân vận chính quyền là một trong những cơ sở để xem xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, đánh giá kết quả thi đua và xét khen thưởng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng; việc đánh giá, xếp loại dựa trên mức độ hoàn thành khối lượng và hiệu quả theo yêu cầu của từng nội dung tiêu chí.

Chương II

TIÊU CHÍ, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Điều 4. Tiêu chí đánh giá công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Tiêu chí 1: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai và thực hiện công tác dân vận chính quyền (10 điểm).

Tiêu chí 2: Thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính (15 điểm).

Tiêu chí 3: Thực hiện công tác tiếp công dân, đối thoại với người dân, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân (15 điểm).

Tiêu chí 4: Xây dựng cơ quan văn hóa, công sở văn minh (20 điểm);

Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở (20 điểm);

Tiêu chí 6: Công tác phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị (10 điểm);

Tiêu chí 7: Thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” (10 điểm).

(Các tiêu chí đánh giá chi tiết theo biểu kèm theo)

Điều 5. Phương pháp đánh giá

1. Việc đánh giá, phân loại được thực hiện dựa trên 7 tiêu chí đánh giá được nêu tại Điều 4 của Quy định này. Mỗi tiêu chí quy định một hoặc nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, đơn vị, địa phương với tổng số điểm là 100 điểm.

2. Cách chấm điểm từng nội dung tiêu chí: Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào việc ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao để đánh giá, tự chấm điểm từng nội dung tiêu chí vào cột “Tự đánh giá” tại biểu tiêu chí đánh giá ban hành kèm theo Quy định này. Nếu kết quả thực hiện đạt 100% thì đánh giá điểm tối đa; trường hợp không đạt 100% thì tùy theo mức độ đạt được để chấm điểm theo từng nội dung tiêu chí.

Điều 6. Phân loại mức độ hoàn thành

1. Kết quả thẩm định

a) Kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện do Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy thẩm định, xem xét công nhận hoặc điều chỉnh theo thực tế thẩm định.

b) Kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã do Phòng Nội vụ cấp huyện chủ trì phối hợp với Ban Dân vận Huyện ủy, Thành ủy thẩm định, xem xét công nhận hoặc điều chỉnh theo thực tế thẩm định.

2. Xếp loại

Trên cơ sở kết quả chấm điểm của Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị, địa phương sẽ được xếp loại theo các mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác dân vận chính quyền như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc: Từ 90 đến 100 điểm.

b) Hoàn thành tốt: Từ 70 đến dưới 90 điểm.

c) Hoàn thành: Từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

d) Không hoàn thành: Dưới 50 điểm.

3. Trường hợp cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu; Ủy ban nhân dân cấp huyện có một trong các chức danh lãnh đạo: Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện bị xử lý kỷ luật thì căn cứ tổng số điểm thẩm định của Sở Nội vụ sẽ hạ một bậc xếp loại theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu; Ủy ban nhân dân cấp xã có một trong các chức danh lãnh đạo: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có cán bộ, công chức lãnh đạo bị xử lý kỷ luật thì căn cứ tổng số điểm thẩm định của Phòng Nội vụ sẽ hạ một bậc xếp loại theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương để xảy ra tham nhũng, có cán bộ, công chức bị xử lý hình sự, mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng theo đánh giá của cấp trên thì xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Thẩm quyền, trình tự, thời gian xét duyệt, phân loại đối với công tác dân vận

1. Thẩm quyền

a) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân loại công tác dân vận chính quyền đối với các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phân loại công tác dân vận chính quyền đối với các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trình tự, thời gian xét duyệt, phân loại đối với công tác dân vận

a) Đối với cấp huyện: Các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành tự chấm điểm công tác dân vận và gửi về Phòng Nội vụ trước ngày 30/10 để tổng hợp. Tiếp theo đó, Phòng Nội vụ phối hợp với Ban Dân vận Huyện ủy, Thành ủy tiến hành rà soát kết quả chấm điểm, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trong khoảng thời gian trước 05/11 hàng năm.

Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành tự chấm điểm, đánh giá xếp loại công tác dân vận chính quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) chậm nhất ngày 05/11 hàng năm để tổng hợp theo dõi.

b) Đối với cấp tỉnh: Các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành tự chấm điểm công tác dân vận và báo cáo Sở Nội vụ trước ngày 05/11 hàng năm để tổng hợp. Từ ngày 06/11 đến 15/11 hàng năm, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Ban Dân vận Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành rà soát kết quả chấm điểm.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị

Dựa trên các tiêu chí và phương pháp đánh giá, phân loại nêu trên, hàng năm các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá, phân loại. Kết quả đánh giá, phân loại cho thấy việc thực hiện công tác dân vận chính quyền của các cơ quan, đơn vị tốt hay chưa tốt; đây cũng là tiêu chí để xét thi đua, khen thưởng cuối năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này đến các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các tiêu chí đánh giá công tác dân vận cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

b) Phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác dân vận chính quyền tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở các tiêu chí nêu trên.

c) Rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả chấm điểm công tác dân vận của các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Hướng dẫn các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện Quy định này.

b) Rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả chấm điểm công tác dân vận của các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ), Ban Dân vận Tỉnh ủy để theo dõi.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.



TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Tài liệu minh chứng (các Văn bản ban hành)
1	Tiêu chí số 1: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai và thực hiện công tác dân vận chính quyền	10	
1.1	Ban hành văn bản quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận; kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, địa phương, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Kế hoạch thực hiện công tác dân vận hàng năm	5	
	Ban hành đầy đủ và kịp thời: 05 điểm		
	Ban hành đầy đủ văn bản nhưng có văn bản chậm so với thời gian yêu cầu: 03 điểm		
	Ban hành không đầy đủ hoặc có văn bản ban hành chậm từ 01- 05 ngày so với thời gian yêu cầu: 01 điểm		
	Không ban hành hoặc ban hành chậm quá 05 ngày so với thời gian yêu cầu: 0 điểm		
	Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền tại cơ quan, đơn vị	5	
	Ban hành kịp thời báo cáo 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo chuyên đề về công tác dân vận (theo thời gian yêu cầu): 05 điểm		

1.2	Ban hành báo cáo 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo chuyên đề về công tác dân vận chậm so với thời gian yêu cầu: Chậm từ 01 - 02 ngày: 03 điểm		
	Ban hành báo cáo 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo chuyên đề về công tác dân vận chậm so với thời gian yêu cầu: Chậm từ 03 - 05 ngày: 01 điểm		
	Không ban hành hoặc ban hành báo cáo 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo chuyên đề về công tác dân vận: 0 điểm		
2	Tiêu chí 2. Thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính	15	Căn cứ kết quả chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương được Chủ tịch UBND tỉnh xếp loại để đánh giá tiêu chí này (thời điểm đánh giá chưa có kết quả của năm hiện tại thì lấy kết quả năm trước liền kề)
		Điểm = 15 * tỷ lệ đạt được. Ví dụ: Điểm = $15 * 95,5\% = 14,32$ điểm	
3	Tiêu chí 3: Thực hiện công tác tiếp công dân, đối thoại với người dân, doanh nghiệp; giải quyết đề nghị, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân	15	

3.1	Bố trí địa điểm tiếp công dân, bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ việc tiếp công dân; ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân; công khai lịch tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo	3	
3.1.1	Bố trí phòng tiếp công dân, bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ việc tiếp công dân		
	<i>Có bố trí: 01 điểm</i>		
	<i>Không bố trí: 0 điểm</i>		
3.1.2	Ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân		
	<i>Có ban hành: 01 điểm</i>		
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>		
3.1.3	Công khai lịch tiếp công dân và thực hiện quy trình tiếp nhận, xử lý bước đầu khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo quy định		
	<i>Có công khai lịch tiếp công dân và thực hiện quy trình tiếp nhận, xử lý bước đầu khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo quy định: 01 điểm</i>		
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ: 0 điểm</i>		
3.2	Bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, trình độ phù hợp làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên	1	
	<i>Có phân công: 01 điểm</i>		
	<i>Không phân công: 0 điểm</i>		
3.3	Kiểm tra, đôn đốc; Báo cáo tình hình, kết quả công tác tiếp công dân	2	
3.3.1	Kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có trách nhiệm thuộc quyền quản lý thực hiện các quy định của pháp luật trong việc tiếp công dân.		
	<i>Thành lập đoàn, tổ kiểm tra, kết luận kiểm tra hoặc có văn bản đôn đốc: 01 điểm</i>		
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>		

3.3.2	Báo cáo tình hình, kết quả công tác tiếp công dân với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền		
	Có báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và báo cáo đột xuất đảm bảo số lượng, thời gian theo quy định: 01 điểm		
	Có báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và báo cáo đột xuất nhưng không đảm bảo số lượng, thời gian theo quy định: Mỗi báo cáo trừ 0,5 điểm.		
	Không thực hiện: 0 điểm		
3.4	Thực hiện tiếp công dân định kỳ, đột xuất; quản lý, theo dõi việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, đơn vị	4	
3.4.1	Tiếp công dân định kỳ theo quy định		
	Có thực hiện theo quy định: 01 điểm		
	Không thực hiện theo quy định: 0 điểm		
3.4.2	Tiếp công dân đột xuất theo quy định		
	Có thực hiện theo quy định: 01 điểm		
	Không thực hiện theo quy định: 0 điểm		
3.4.3	Tiếp công dân 60 phút buổi sáng đầu giờ		
	Có thực hiện đầy đủ theo quy định: 01 điểm		
	Có thực hiện nhưng không đầy đủ theo quy định: 0 điểm		
3.4.4	Quản lý, theo dõi việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, đơn vị		
	Có đầy đủ hồ sơ theo dõi: 01 điểm		
	Không có hồ sơ theo dõi: 0 điểm		
	Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, những kiến nghị chính đáng của tổ chức, công dân liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, địa phương; Thực hiện tốt công tác thanh tra nhân dân, công tác hòa giải ngay từ cơ sở	4	

3.5	Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đạt trên 95%: 04 điểm		
	Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đạt từ 80% đến dưới 95%: 03 điểm		
	Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đạt từ 70% đến dưới 80%: 01 điểm		
	Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đạt dưới 70%: 0 điểm		
3.6	Không có vụ việc khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị kéo dài, tình trạng đơn thư vượt cấp (trừ những đơn thư đã được giải quyết theo quy định), khiếu kiện đông người và tạo thành điểm nóng	1	
	Không có vụ việc: 01 điểm		
	Có vụ việc: 0 điểm		
4	Tiêu chí 4: Xây dựng cơ quan văn hóa, công sở văn minh	20	
4.1	Thực hiện tốt quy tắc ứng xử, thái độ tôn trọng, thân thiện với nhân dân với phương châm 04 xin (Xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép), 04 luôn (Luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ) và 5 không (Không cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà; Không quan liêu, vô cảm, vô trách nhiệm; Không tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm; Không xu nịnh, chạy chọt, gian dối; Không lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thực thi công vụ); thực hiện phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, hướng dẫn dân làm, làm dân tin” và phương châm “chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, hiệu quả”	3	

4.1.1	Ban hành Kế hoạch, chương trình, nội dung thực hiện Quy chế văn hóa công vụ; xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, trình tự, thời gian hoàn thành của từng nội dung		
	<i>Có ban hành: 02 điểm</i>		
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>		
4.1.2	Báo cáo 06 tháng; 01 năm về tình hình thực hiện Quy chế văn hóa công vụ theo quy định		
	<i>Đủ số lượng báo cáo: 01 điểm. Thiếu 01 báo cáo trừ 0,5 điểm</i>		
	<i>Đảm bảo thời gian: 01 điểm. Không đảm bảo thời gian, mỗi báo cáo trừ 0,5</i>		
4.2	Cơ quan, đơn vị không có cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm trong thực thi công vụ, văn hóa công vụ và bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản hoặc có văn bản đề nghị xử lý vi phạm	3	
	<i>Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm: 03 điểm</i>		
	<i>Có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm: 0 điểm</i>		
4.3	Thực hiện kiểm tra công vụ	4	
4.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ		
	<i>Có ban hành: 01 điểm</i>		
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>		
4.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra và xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 03 điểm</i>		
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100%: 02 điểm</i>		
	<i>Hoàn thành dưới 80%: 0 điểm</i>		
	Thực hiện công tác quản lý công chức, viên chức	10	
	<i>Không có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm pháp luật buộc phải xử lý kỷ luật: 10 điểm</i>		

4.4	Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm pháp luật buộc phải xử lý kỷ luật bằng hình thức kỷ luật khiển trách: 05 điểm		
	Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm pháp luật buộc phải xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên: 0 điểm		
5	Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở	20	Căn cứ kết quả đánh giá xếp loại của cơ quan cấp trên đánh giá hàng năm xếp loại để đánh giá tiêu chí này (thời điểm đánh giá chưa có kết quả của năm hiện tại thì lấy kết quả năm trước liền kề)
	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 20 điểm		
	Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 15 điểm		
	Hoàn thành 10 điểm		
	Không hoàn thành: 0 điểm		
6	Tiêu chí 6: Công tác phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị	10	
6.1	Ban hành cơ chế, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội, Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI ban hành Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền	4	
6.1.1	Thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội		
	Thực hiện tốt: 02 điểm		

	Thực hiện chưa đúng quy chế hoặc chưa thực hiện: 0 điểm		
6.1.2	Thực hiện tốt Quy định về tiếp thu góp ý trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền		
	Thực hiện tốt: 02 điểm		
	Thực hiện chưa đúng quy định hoặc chưa thực hiện: 0 điểm		
6.2	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	6	
	Bố trí đầy đủ: 6 điểm		
	Có bố trí nhưng chưa đầy đủ: 3 điểm		
	Không bố trí: 0 điểm		
7	Tiêu chí 7: Thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”	10	
7.1	Đầu năm có đăng ký mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “Dân vận khéo”	2	
	Có đăng ký mô hình: 02 điểm		
	Không đăng ký: 0 điểm		
7.2	Nhân rộng các mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “Dân vận khéo” tại cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm theo quy định	3	
	Có nhân rộng các mô hình điển hình: 03 điểm		
	Không có nhân rộng: 0 điểm		
7.3	Được cơ quan cấp trên ghi nhận những cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nổi bật, có mô hình, điển hình nổi bật về dân vận chính quyền được các cấp ghi nhận và lan tỏa tích cực ra cộng đồng, xã hội	5	
	Được biểu dương và nhân rộng: 05 điểm		

	<i>Không được biểu dương và nhân rộng: 0 điểm</i>		
	TỔNG ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	100	